

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39 /2021/DS-PT

Ngày: 30/7/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Huyền; Ông Nguyễn Hữu Hà

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Chung– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2020/TLPT-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020 /DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Diễn C, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:- Nguyên đơn : Chị Lương Thị H, sinh Năm 1975

Trú tại: Xóm 01 xã Diễn Q, huyện Diễn C, tỉnh Nghệ An.(vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Lê Thị B, sinh Năm 1967

Trú tại: Xóm 01, xã Diễn Q, huyện Diễn C, Nghệ An. (Vắng mặt)

- Người được nguyên đơn ủy quyền:

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990. (Có đơn xin xử vắng mặt)

Trú tại: Xã Diễn H, huyện Diễn C, tỉnh Nghệ an.

- Người kháng cáo: Bà Lê Thị B - Bị đơn

- Cơ quan kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn C, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/2/2020 và bản tự khai đề ngày 11/2/2020 và tại biên bản hòa giải nguyên đơn bà Lương Thị H và chị Nguyễn Thị T người được nguyên đơn ủy quyền trình bày như sau :

Bà Lê Thị B là hàng xóm với bà H, bà B là chủ phường, bà H có chơi phường với bà Lê Thị B bốn suất phường, bà H đã nhận một suất phường còn lại ba suất phường bà Lê Thị B chưa trả cho bà H. Ngày 2/4 /2012 bà H và bà B hai bên chốt nợ từ phường chuyển thành nợ với nhau, bà B còn nợ bà H 44.090.000.000 đồng.

Ngày 20/2/2020 chị Lương Thị H có đơn bổ sung nội dung khởi kiện cụ thể như sau:

- Bị đơn bà Vũ Thị B tức là bà Lê Thị B (bà B họ Lê không phải họ Vũ)
- Bà Lương Thị H yêu cầu bà Lê Thị B phải trả cho bà với số tiền là 82.298.000. đồng trong đó tiền gốc là 44.090.000 đồng chứ không phải 44.090.000.000 đồng như trong giấy nhận nợ là 44.090.000.000 đồng .

Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

Tiền gốc là 44.090.000 đồng x lãi suất 11% / năm x 8 năm = 38.208.000 đồng tổng cộng gốc và lãi là 82.298.000 đồng. Tại tòa án bà H yêu cầu bà Lê Thị B phải trả cho bà H là 82.298.000 đồng .

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T xin rút yêu cầu bà Lê Thị B phải trả lãi là 38.208.000 đồng; yêu cầu bà B trả lãi kể từ ngày thông báo đòi nợ 30/10/2019 tức là 9 tháng lãi với số tiền là 3.500.000 đồng kể từ ngày thông báo trả nợ 30/10/2019

Bị đơn bà Lê Thị B trình bày như sau :

Bà Lương Thị H có chơi phường cùng bà Lê Thị B ba suất phường, bà H đã nhận một suất phường, còn lại hai suất phường là 44.090.000 đồng , bà B chưa trả cho bà Lương Thị H , nợ từ năm 2012 cho tới nay .

Ngày 02/4/2012 bà B viết giấy chót nợ cho bà Lương Thị H, ngày 26/6/2012 bà B và bà Lương Thị H thống nhất bà H lấy nợ từ chị Sáu Lương 31.880.000 đồng (số tiền này chị Sáu Lương còn nợ bà B) số tiền còn lại 12.210.000 đồng bà B có nghĩa vụ trả cho bà Lương Thị H, nhưng bà B chưa trả cho bà H .Vì bà H nói để đó trả nợ cho người khác, việc chị Sáu Lương đã trả cho bà H hay chưa bà B không biết, nên bà B không có nghĩa vụ trả nợ cho bà Lương Thị H 31.880.000 đồng.

Tại phiên hòa giải bà Lê Thị B thống nhất bà có nghĩa vụ trả nợ cho bà Lương Thị H 12.210.000 đồng, số tiền còn lại 31.880.000 đồng. chị Sáu Lương tức là chị Phan Thị Sáu Lương có nghĩa vụ trả cho bà Lương Thị H .

Với nội dung trên Bản án sơ thẩm số 03/2020/DS - ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Diễn C đã quyết định:

Áp dụng: điều 463,465,466 ,469 và điều 468 khoản 3 điều 471 Bộ Luật dân sự

Tuyên xử : Buộc bà Lê Thị B phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Lương Thị H 44.090.000 đồng tiền gốc

Bác yêu cầu 3.370.000 đồng tiền lãi của bà Lương Thị H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 05.8.2020 bà Lê Thị B làm đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xem xét giả quyết những vấn đề sau:

- Bà chỉ còn nợ bà H số tiền 12.210.000đ chứ không phải số tiền 44.090.000đ như quyết định của bản án sơ thẩm.
- Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm phải đưa bà Trần Thị Sáu, sinh năm 1983

Trú tại xã Diên Ngọc, huyện Diên C vào tham gia tố tụng với tư cách là người liên quan.

- Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 03/ 2020/DS - St ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Diên C.

Tại Quyết định kháng nghị số 01/QĐ KNPT - VKS - DS ngày 30/7/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên C kháng nghị với nội dung:

- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi suất của số tiền nợ gốc 44.090.000đ từ ngày 30/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền lãi 3.370.000đ nhưng bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu về lãi suất của bà H là vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 5, điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP.

- Vi phạm quy định pháp luật về án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên C.

Ý kiến đại viện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà B làm trong hạn luật định và nộp dự phí kháng cáo nên hợp lệ.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên C sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà B phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật và sửa nghĩa vụ chịu án phí cho nguyên đơn.

Đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của bà Lê Thị B theo quy định tại khoản 3 Điều 296 BLTTDS.

Buộc bà B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định.

[1] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị B: Bà B kháng cáo cho rằng đối với số tiền 31.880.000đ thì ngày 26/6/2012 bà Trần Thị Sáu, bà Lương Thị H và bà Lê Thị B có thỏa thuận bà Sáu chịu trách nhiệm trả nợ cho bà H số tiền 31.880.000đ nên bà yêu cầu đưa bà Sáu vào tham gia tố tụng và buộc bà Sáu trả cho bà H. Tuy nhiên, bà Lê Thị B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 3 Điều 296 BLTTDS, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của bà Lê Thị B.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên C thấy rằng:

Đối với yêu cầu lãi suất cho vay: Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu bà B trả lãi chậm trả kể từ ngày thông báo đòi nợ ngày 30/10/2019 đến ngày đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm nhưng bản án sơ thẩm cho rằng căn cứ giấy nhận nợ các bên không thỏa thuận thời gian trả nợ và lãi suất nên bác yêu cầu này của nguyên đơn. Xét thấy, ngày 30/9/2019 nguyên đơn đã có thông báo đòi nợ do đó tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tiền lãi suất của số tiền nợ gốc 44.090.000đ từ ngày 30/10/2019 và yêu cầu lãi suất kể từ

ngày nguyên đơn thông báo yêu cầu trả nợ ngày 30/10/2019 đến ngày xé xử sơ thẩm là có căn cứ và đúng quy định tại khoản 4 Điều 466 BLDS, khoản 1 Điều 5, điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó cần chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn C chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải chịu lãi suất của số tiền nợ gốc 44.090.000đ theo lãi suất 10%/năm theo quy định tại Điều 468 BLDS. Như vậy từ ngày 30/9/2019 đến 20/7/2020 = 264 ngày x 10% x 44.090.000/365 ngày = 3.189.000đ. Buộc bà B phải thanh toán cho bà H 44.090.000đ tiền gốc và 3.189.000đ tiền lãi suất quá hạn.

[3] Về án phí: Căn cứ biên lai thu tiền tạm ứng án phí sơ thẩm số 004952 ngày 06/02/2020 của Chi cục thi hành án huyện Diễn C bà H đã nộp số tiền 1.600.000đ và biên lai thu tiền số 0004115 ngày 17/4/2020 bà H nộp tiếp số tiền 666.000đ. Tổng cộng bà H đã nộp 2.266.000đ nhưng bản án sơ thẩm quyết định trả lại cho bà H số tiền 2.860.000đ là vượt số tiền bà H đã nộp. Do đó cần sửa lại phần án phí đối với phí cho phù hợp tài liệu chứng cứ.

Từ những nhận định trên chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn C sửa một phần bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ số tiền dự phí kháng cáo đã nộp.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lê Thị B; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn C, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Điều 463, 465, 466, 469 và Điều 468 khoản 3 điều 471 Bộ Luật dân sự; điều 147 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 01 năm 2019/ NQ -HĐTP

Xử :1. Buộc bà Lê Thị B phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Lương Thị H 44.090.000 đồng tiền gốc và lãi suất quá hạn 3.189.000đ. Tổng cộng buộc bà Lê Thị B phải thanh toán cho bà Lương Thị H cả gốc và lãi số tiền 47.279.000đ (Bốn mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi chín ngàn đồng)

3. Về án phí :

Bà Lê Thị B phải chịu 2.360.000 đồng án phí dân sự và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000đ đã nộp tại Biên lai số AA/2020/0001971 ngày 08/4/2021 tại Chi cục Thi hành án huyện Diễn C, tỉnh Nghệ An.

Trả lại cho bà Lương Thị H 2.266.000đ đồng tiền tạm ứng án phí bà đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn C theo biên lai số 004952 ngày 06/2/2020 và biên lai thu số 0004115 ngày 17/4/2020 .

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo lãi suất 10% năm theo khoản 2 điều 468 , 357 BLDS năm 2015 tương ứng với khoản tiền phải thi hành và thời gian thi hành.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Tòa án nhân dân huyện Diễn C
- Chi cục THADS H. Diễn C
- Lưu Hồ sơ, VP

Nguyễn Thị Hải Minh